

NHẬN DIỆN MỨC ĐỘ HÀI LÒNG VỀ VIỆC LÀM CHÍNH CỦA THANH NIÊN NÔNG THÔN VÙNG TÂY NAM BỘ

PHẠM NGỌC TÂN*

Tóm tắt: Tây Nam Bộ là vùng trọng điểm phát triển kinh tế nông nghiệp của Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Vấn đề việc làm của thanh niên nông thôn rất cần được quan tâm nghiên cứu hướng tới đề xuất những giải pháp nhằm phát huy hết tiềm năng phát triển của khu vực này. Dựa trên số liệu khảo sát của Đề tài “Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” (KH-CN/14-19/X05), các phân tích cho thấy có sự khác biệt đáng kể (có ý nghĩa thống kê) về mức độ hài lòng về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ theo các nhóm học vấn, dân tộc, việc làm chính, mức sống hộ gia đình và địa bàn cư trú. Kết quả này có thể bổ sung cơ sở khoa học cho xây dựng chiến lược việc làm thanh niên vùng Tây Nam Bộ trong tình hình mới.

Từ khóa: việc làm chính, mức độ hài lòng về việc làm chính, thanh niên nông thôn, Tây Nam Bộ.

Nhận bài: 28/7/2019

Gửi phản biện: 14/8/2019

Duyệt đăng: 10/9/2019

1. Giới thiệu

Tây Nam Bộ là vùng trọng điểm phát triển kinh tế nông nghiệp của Việt Nam với diện tích 40.816 km² (diện tích đất nông nghiệp là 26.239 km²) và dân số khoảng 17,67 triệu người. Năm 2016, khu vực Tây Nam Bộ đạt 2,442 triệu tấn sản lượng lương thực có hạt với bình quân đầu người gần 1,4 tấn, đứng đầu trong cả nước, thu nhập bình quân đầu người đứng thứ 3 (gần 2,8 triệu đồng/người/tháng). Tuy nhiên, theo Tổng cục Thống kê (2017), tỷ lệ lực lượng lao động chưa qua đào tạo, tỷ lệ lao động thiếu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp ở vùng Tây Nam Bộ đều cao hơn đáng kể so với tỷ lệ tương ứng trong toàn quốc (87,2%, 3,1% và 2,9% so với 79,5%, 1,7% và 2,3%). Điều này cho thấy vấn đề lao động, việc làm ở khu vực Tây Nam Bộ còn có những bất cập và nếu không được giải quyết thỏa đáng sẽ có thể trở thành những rào cản của quá trình phát triển tiếp theo. Trong đó, việc tìm hiểu nhu cầu việc làm của các nhóm thanh niên nông thôn trong vùng sẽ là cơ sở quan trọng để hoạch định các chính sách về việc làm. Sự hài lòng về việc làm của các cá nhân thể hiện sự bằng lòng của họ với công việc mà họ đang làm và sẽ phản ánh phần

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

nào khả năng đáp ứng nhu cầu việc làm của họ. Mức độ hài lòng về việc làm là do người trả lời tự đánh giá, tự cảm nhận về việc làm chính của họ tại thời điểm tham chiếu. Sự tự đánh giá về các khía cạnh của cuộc sống (trong đó có việc làm) sẽ “phụ thuộc vào sự so sánh điều kiện, hoàn cảnh của một cá nhân với tiêu chuẩn tự bản thân họ đưa ra và cho là phù hợp với bản thân họ” (Dương Thị Thu Hương, 2012:64). Vì vậy, nghiên cứu về mức độ hài lòng về việc làm sẽ góp phần nhận diện nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ tại thời điểm tham chiếu. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả cố gắng nhận diện mức độ hài lòng về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ nhằm góp phần tìm hiểu sự đáp ứng nhu cầu việc làm của họ, và từ đó có thể gợi mở những chủ đề cần được nghiên cứu sâu hơn, cung cấp những chỉ báo khoa học làm cơ sở cho việc hoạch định các chiến lược việc làm ở khu vực này trong giai đoạn tiếp theo (trong bối cảnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông thôn).

Bài viết phân tích bộ số liệu của Đề tài cấp Nhà nước (KH-CN/14-19/X05) về “Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ” nhằm nhận diện sự khác biệt trong mức độ hài lòng về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ theo các nhóm xã hội. Trong bài viết này, việc làm chính của thanh niên được xác định là công việc mà họ đã làm nhiều thời gian nhất trong 12 tháng trước thời điểm khảo sát. Đó là việc làm được tạo ra từ những hoạt động kinh tế gắn liền với đời sống của người dân nông thôn để tạo thêm nguồn thu nhập mà không bị pháp luật ngăn cấm (Nguyễn Đình Phúc, 2017). Sự hài lòng về việc làm chính của thanh niên thể hiện ở 5 mức độ là “rất hài lòng”, “hài lòng”, “bình thường”, “không hài lòng” và “rất không hài lòng” đối với việc làm chính của họ tại thời điểm khảo sát.

2. Số liệu và phương pháp nghiên cứu

Năm 2016, Đề tài KH-CN/14-19/X05 tiến hành thu thập thông tin tại 5 tỉnh là An Giang, Trà Vinh, Long An, Tiền Giang, Cần Thơ. Mẫu khảo sát là 1.512 hộ gia đình gồm 3.304 cá nhân trong độ tuổi lao động (15-65 tuổi). Từ bộ số liệu đó, tác giả tiến hành phân tích dựa trên 566 thanh niên, trong nhóm tuổi 16-35 thuộc khu vực nông thôn (xã Vĩnh Hanh, xã An Hòa, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang; xã Đa Lộc, xã Hòa Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh; xã An Thạnh, Thị xã Bến Lức, tỉnh Long An; xã Mỹ Phong, Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Mẫu phân tích không bao gồm học sinh, sinh viên và những người không làm việc.

Số liệu Bảng 1 cho thấy một số đặc trưng cơ bản của thanh niên nông thôn Tây Nam Bộ trong mẫu nghiên cứu. Trong tổng số 566 thanh niên được phỏng vấn có 56,4% nam và 43,6% nữ. Tỷ lệ 3 nhóm tuổi 16-25, 26-30 và 31-35 lần lượt là 24,9%, 41,3% và 33,7%. Xét theo trình độ học vấn thì có 14,5% chưa từng đi học, 29,7% tiểu học, 20,7% trung học cơ sở, 14,5% trung học phổ thông, 20,7% học nghề và trung cấp trở lên. Trong mẫu có 62% là người dân tộc Kinh (38% còn lại là dân tộc khác), 28,8% không tôn giáo, 63,1% hiện có vợ/chồng. Tỷ lệ người trả lời tự đánh giá mức sống dưới trung bình là 15,7%, so với 60,1% trung bình và 24,2% trên trung bình.

Bảng 1. Phân bố một số đặc trưng của người trả lời

	Nhóm tuổi			Đơn vị: %
	16-24	25-30	31-35	Chung
Nam giới	54,6	56,4	57,6	56,4
Học vấn:				
Chưa từng đi học	6,4	12,0	23,6	14,5
Tiểu học	34,8	23,9	33,0	29,7
Trung học cơ sở	20,6	21,8	19,4	20,7
Trung học phổ thông	13,5	17,1	12,0	14,5
Học nghề hay trung cấp trở lên	24,8	25,2	12,0	20,7
Dân tộc Kinh	56,7	67,1	59,7	62,0
Theo tôn giáo	78,0	67,1	71,2	71,2
Hiện có vợ/chồng	26,2	65,8	86,9	63,1
Tự đánh giá về mức sống hộ gia đình:				
Trên trung bình	27,0	21,8	25,1	24,2
Trung bình	54,6	62,4	61,3	60,1
Kém trung bình	18,4	15,8	13,6	15,7
N	141	234	191	566

Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05.

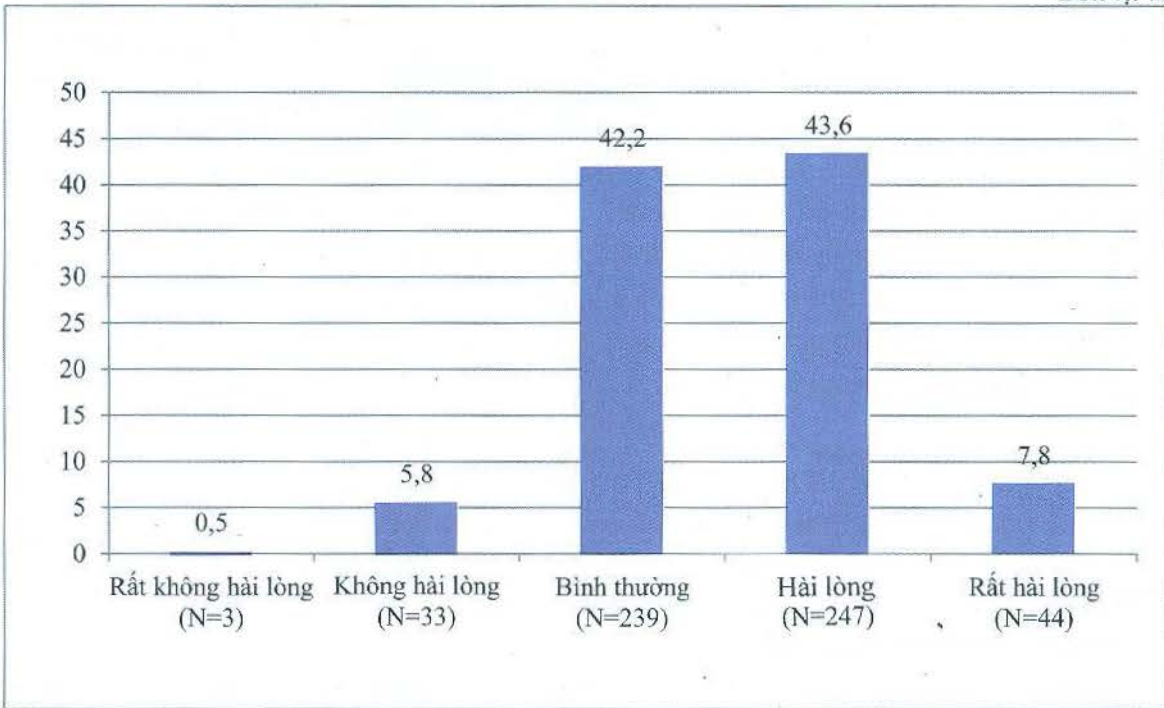
Nghiên cứu này được thực hiện nhằm nhận diện mức độ hài lòng về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ và xem xét sự khác biệt về mức độ hài lòng về việc làm chính giữa các nhóm thông qua phân tích tương quan và so sánh giá trị trung bình điểm số mức độ hài lòng về việc làm chính của các thanh niên trong mẫu nghiên cứu. Trong đó, biến số “mức độ hài lòng về việc làm chính” được đo bằng thang likert với 5 mức độ từ 1 điểm (rất không hài lòng) đến 5 điểm (rất hài lòng). Các biến số độc lập được đưa vào phân tích bao gồm: đặc điểm cá nhân (tuổi, giới tính, học vấn, dân tộc, tôn giáo, tình trạng hôn nhân), đặc điểm gia đình (mức sống của hộ gia đình, quy mô hộ gia đình, số lao động trong hộ) và cộng đồng (địa bàn cư trú) của người trả lời.

3. Một số kết quả

Kết quả nghiên cứu cho thấy điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ là 3,52, cao hơn đáng kể so với mức 3 điểm là mức “bình thường”. Hình 1 cho thấy đa số thanh niên nông thôn tại thời điểm tham chiếu hài lòng với công việc chính của họ. Cụ thể là có tới 51,4% người trả lời “hài lòng” và “rất hài lòng”, 42,2% thấy “bình thường”. Trong khi đó, tỷ lệ đánh giá “không hài lòng” và “rất không hài lòng” là khá thấp, chỉ chiếm 6,3%.

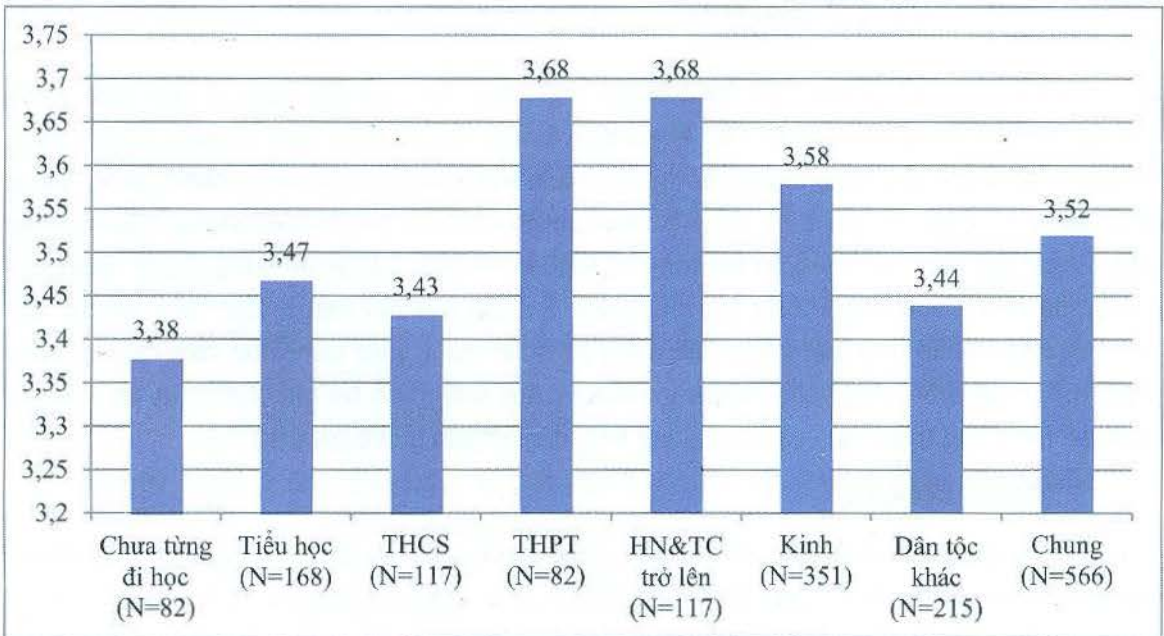
Hình 1. Tần suất mức độ hài lòng về việc làm chính của người trả lời

Đơn vị: %



Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05.

Hình 2. Điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính chia theo học vấn và dân tộc của người trả lời



Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05.

Hình 2 cho thấy mối tương quan giữa trình độ học vấn và điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của người trả lời. Trong đó, các nhóm có trình độ học vấn

“Học nghề và Trung cấp trở lên” và THPT có điểm trung bình mức độ hài lòng việc làm chính đều là 3,68, cao hơn mức trung bình chung là 3,52. Còn lại, sự đánh giá về mức độ hài lòng việc làm thông qua điểm trung bình của các nhóm khác đều thấp hơn mức trung bình chung (3,52) theo các thứ tự lần lượt là Tiểu học (3,47), THCS (4,43) và chưa từng đi học (3,38).

Kết quả nghiên cứu này phù hợp với tình hình thực tế về lao động việc làm của thanh niên nông thôn Tây Nam Bộ. Đối với những thanh niên nông thôn có trình độ học vấn thấp (đặc biệt là nhóm “Chưa từng đi học”) thì sự lựa chọn việc làm của họ chủ yếu mới chỉ đáp ứng được các nhu cầu việc làm ở mức thấp (nhu cầu sinh lý và nhu cầu an toàn), cho nên điểm trung bình đánh giá mức độ hài lòng về việc làm chính của họ ở mức thấp (thấp hơn mức điểm trung bình chung là 3,52). Đối với nhóm có trình độ học vấn cao hơn (nhóm “THPT” và “Học nghề và Trung cấp trở lên”), họ có khả năng lựa chọn những việc làm nhằm đảm bảo các nhu cầu ở mức cao hơn (nhu cầu về xã hội, nhu cầu được tôn trọng và nhu cầu tự chứng tỏ mình) và sự đánh giá mức độ hài lòng về việc làm chính của họ ở mức cao (với số điểm đều là 3,68) và cao hơn mức trung bình chung.

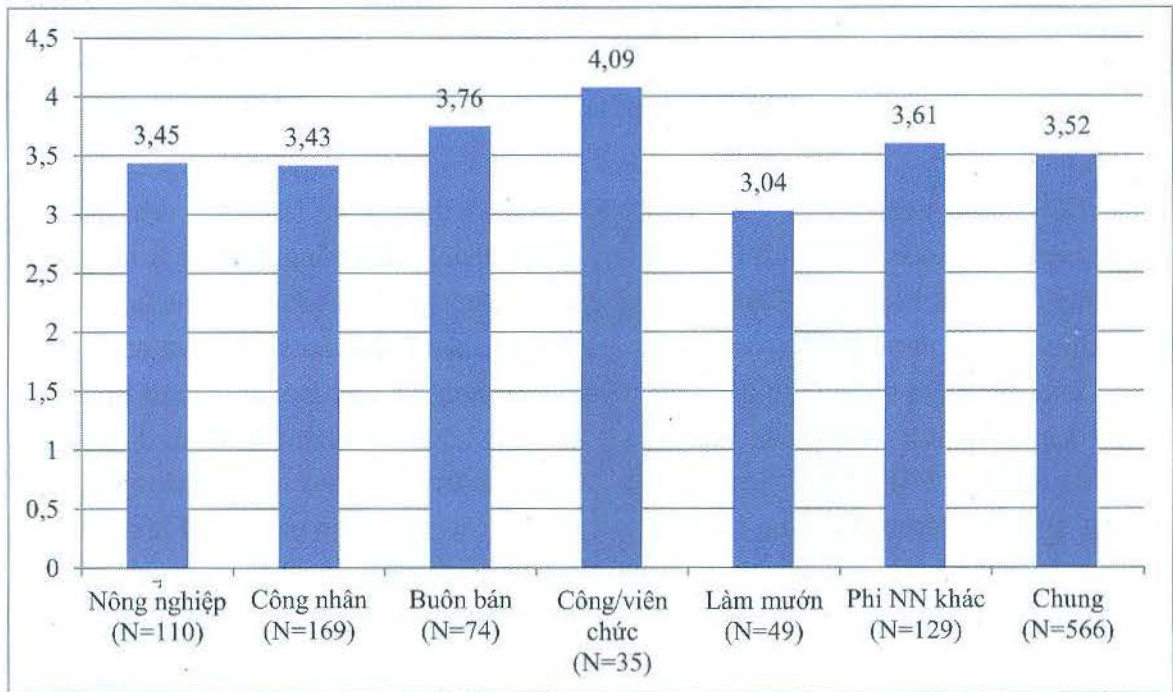
Bên cạnh đó, số liệu ở Hình 2 cũng đã cho thấy sự khác biệt về điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của người trả lời chia theo dân tộc. Trong đó, mức điểm trung bình của nhóm thanh niên dân tộc Kinh cao hơn mức điểm trung bình chung (3,58 so với 3,52) và cao hơn đáng kể so với nhóm thanh niên Dân tộc khác (3,44) trong mẫu nghiên cứu.

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Công Mạnh (2007) và Phạm Ngọc Tân (2019) cũng đã chỉ ra những điểm khó khăn của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số khu vực nông thôn Tây Nam Bộ, đó là trình độ học vấn thấp và những hạn chế trong quá trình tiếp thu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Và cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để tạo việc làm cho nhóm thanh niên nông thôn này.

Điều này cho thấy cần có sự quan tâm hơn nữa đến nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ để xây dựng các chính sách giải quyết việc làm trong giai đoạn tiếp theo, đặc biệt là nhu cầu việc làm của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số.

Hình 3 cho thấy sự khác biệt về điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của người trả lời. Trong đó, mức điểm trung bình trong nhóm công/viên chức là cao nhất (4,09) và cao hơn đáng kể so với các nhóm khác. Các nhóm buôn bán và phi nông nghiệp khác cũng có mức điểm trung bình cao hơn mức điểm trung bình chung trong toàn mẫu (3,76 và 3,61 so với 3,52). Trong các nhóm có điểm trung bình thấp hơn mức điểm trung bình chung thì nhóm nông nghiệp vẫn có được điểm cao hơn nhóm công nhân (với mức điểm lần lượt là 3,45 và 3,43). Và nhóm có điểm trung bình thấp nhất là nhóm làm mướn và thấp hơn đáng kể so với các nhóm khác (3,04).

Hình 3. Điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của người trả lời



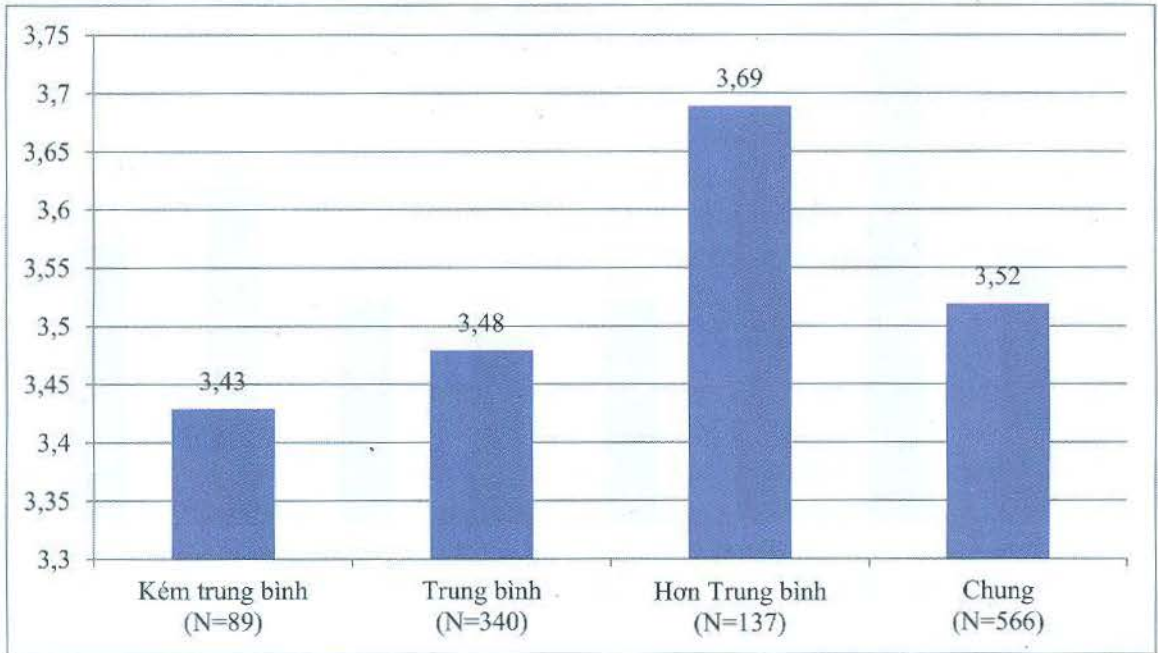
Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05.

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Tiệp về sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề của các hộ gia đình cũng như mức độ di động nghề nghiệp và đa dạng hóa ngành nghề ở Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn vừa qua đã góp phần lý giải về mức độ hài lòng về việc làm chính của nhóm công nhân thấp. Đó là “*tình hình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn còn hết sức kém cỏi và chậm chạp, sự hình thành tầng kinh doanh công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn yếu ớt*” và “*do trình độ nguồn nhân lực còn thấp và điều kiện bị hạn chế nên việc đa dạng hóa ngành nghề chủ yếu diễn ra theo hướng chuyển sang những công việc lao động giản đơn như tiểu thủ công nghiệp, buôn bán, dịch vụ mả lợi thế các nghề này dành cho nữ giới với quy mô nhỏ trên địa bàn thôn, ấp, những thị tứ, thị trấn*” (Nguyễn Văn Tiệp, 2017:104).

Điều này gợi ra những vấn đề cần quan tâm nghiên cứu và làm rõ hơn nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn (trong đó có nhóm công nhân - là đội ngũ nhân lực quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa) vùng Tây Nam Bộ trong giai đoạn phát triển tiếp theo.

Hình 4 cho thấy mối tương quan giữa mức sống hộ gia đình (chia theo 3 mức, do người trả lời tự đánh giá) và điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của người trả lời. Trong đó, nhóm mức sống hơn trung bình có điểm trung bình cao nhất (3,69) và cao hơn mức điểm trung bình chung (3,52) và cao hơn đáng kể so với các nhóm còn lại. Trong khi đó, sự đánh giá về mức độ hài lòng về việc làm chính thông qua điểm trung bình của các nhóm còn lại đều thấp hơn mức trung bình chung (3,52) theo các thứ tự lần lượt là mức sống trung bình (3,48) và mức sống kém trung bình (3,43).

**Hình 4. Điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính
chia theo mức sống hộ gia đình của người trả lời**

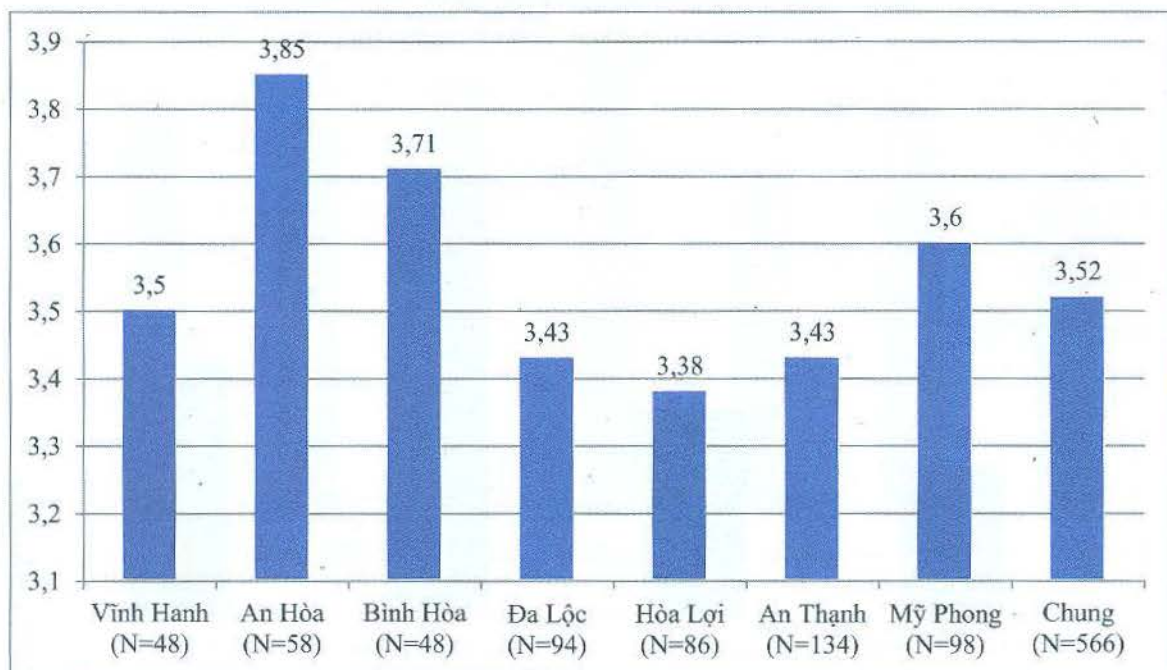


Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05.

Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Hoàng Sơn (2006) và Phạm Ngọc Tân (2018) cũng đã cho thấy những thách thức không nhỏ đối với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội “không để ai bị bỏ lại phía sau” ở khu vực nông thôn Tây Nam Bộ. Do sự hạn chế về một số nguồn lực, nhiều thanh niên trong các hộ gia đình có mức sống kém trung bình đã lựa chọn những việc làm bấp bênh, thu nhập thấp, không ổn định và không tạo ra thu nhập trực tiếp trên thị trường lao động (Phạm Ngọc Tân, 2018). Tuy công tác xóa đói giảm nghèo trong cộng đồng dân tộc Khmer tại Đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng bức tranh tổng thể về xóa đói giảm nghèo nơi này vẫn còn biểu hiện tính thiếu ổn định và nguy cơ tái nghèo là rất lớn khi những rủi ro trong sản xuất và cuộc sống xảy ra, cơ may khá lên, giàu lên càng trở nên khó khăn và xa vời hơn (Nguyễn Hoàng Sơn, 2006). Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Tiệp cũng cho rằng: Ở vùng Tây Nam Bộ tỉ lệ nghèo đói thấp hơn của cả nước nhưng tình trạng cải thiện đời sống chung của cư dân thấp hơn so với cả nước; Phân tầng xã hội khá cao thể hiện qua sự phân tầng về nghề nghiệp và học vấn; Các điều kiện về vật chất cho sinh hoạt hàng ngày vẫn thấp hơn nhiều vùng trong cả nước, nhất là tình trạng nhà ở và môi trường (Nguyễn Văn Tiệp, 2017).

Đây là những chỉ báo quan trọng gợi ra những vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu về nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong quá trình thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn tiếp theo.

Hình 5. Điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính chia theo địa bàn cư trú của người trả lời



Nguồn: Số liệu Đề tài KHCN/14-19/X05.

Hình 5 cho thấy tương quan giữa địa bàn cư trú (xã) với điểm trung bình chung về mức độ hài lòng việc làm chính của người trả lời. Trong đó, nhóm thanh niên ở xã An Hòa có mức điểm trung bình chung cao nhất (3,85) và cao hơn đáng kể so với các nhóm khác. Các nhóm thanh niên ở xã Bình Hòa và xã Mỹ Phong cũng có mức điểm trung bình cao hơn mức điểm trung bình chung trong toàn mẫu (3,71 và 3,6 so với 3,52). Trong các nhóm có điểm trung bình thấp hơn mức điểm trung bình chung thì nhóm thanh niên ở xã Vĩnh Hạnh vẫn có được điểm cao hơn mức điểm của nhóm thanh niên ở các xã Đa Lộc và xã An Thạnh (với mức điểm lần lượt là 3,5 so với 3,43 và 3,43) và thấp nhất là điểm trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của nhóm thanh niên ở xã Hòa Lợi (3,38).

Điều này khá phù hợp với kết quả nghiên cứu về sự khác biệt mức độ hài lòng về việc làm ở các nhóm việc làm chính trên đây. Kết quả xử lý số liệu theo tương quan giữa việc làm chính và địa bàn cư trú của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong mẫu nghiên cứu đã cho thấy: tại các địa bàn cư trú có điểm trung bình mức độ hài lòng thấp hơn mức điểm trung bình chung (3,52) thì việc làm chính của họ chủ yếu là công nhân, nông nghiệp và làm mướn (là những việc làm chính có điểm trung bình mức độ hài lòng thấp). Tại xã An Thạnh, mức điểm trung bình là 3,43 và có 66,4% việc làm chính của thanh niên là công nhân (63,4%), nông nghiệp (3%) và làm mướn (0%). Tại xã Hòa Lợi, mức điểm trung bình là 3,38 và có 61,6% việc làm chính của thanh niên là công nhân (18,6%), nông nghiệp (39,5%) và làm mướn (3,5%). Tại xã Đa Lộc, mức điểm trung bình là 3,43 và có 65% việc làm chính của thanh niên là công nhân (16%), nông nghiệp (33%) và làm mướn (16%); Tại xã Vĩnh Hạnh, mức

điểm trung bình là 3,5 và có 58,3% việc làm chính của thanh niên là công nhân (20,8%), nông nghiệp (16,7%) và làm mướn (20,8%).

Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của Nguyễn Văn Tiệp (về nghề nghiệp ở cấp độ cộng đồng phân theo 4 địa bàn cư trú: xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau; xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Cần Thơ; xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và xã Khánh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An) đã cho thấy “*sự đa dạng trong cơ cấu nghề nghiệp do sự khác nhau về điều kiện sinh thái, sự phát triển kinh tế-xã hội trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế*” tại các địa bàn nghiên cứu khác nhau. Tại các xã Kiến An, Tân Hưng Đông và Vĩnh Hưng có nghề trồng trọt và chăn nuôi chiếm tỷ lệ cao (lần lượt là 46,3%; 48,8% và 50%), trong khi đó, buôn bán và dịch vụ ở xã Vĩnh Trinh chiếm 32,5%; còn xã Vĩnh Hưng là địa bàn nông nghiệp lúa hai vụ có tỷ lệ hộ lao động làm thuê cao nhất là 23,8% (Nguyễn Văn Tiệp, 2017:103).

Như vậy, với những khác nhau về điều kiện phát triển kinh tế-xã hội tại các địa bàn cư trú của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ thì khả năng “cung” và “cầu” về việc làm cũng khác nhau, dẫn đến mức độ hài lòng về việc làm của họ cũng khác nhau. Chính vì vậy, việc triển khai các nghiên cứu sâu và rộng hơn về nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ nói riêng và của lao động nông thôn nói chung để cung cấp các luận cứ khoa học cho quá trình hoạch định chiến lược việc làm trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp theo là rất cần thiết.

Ngoài ra, giá trị trung bình mức độ hài lòng về việc làm chính của người trả lời hầu như không có sự khác biệt đáng kể theo giới, nhóm tuổi và tôn giáo. Tuy nhiên, vấn đề lao động-việc làm theo các chiều cạnh giới, nhóm tuổi và tôn giáo ở khu vực Tây Nam Bộ nói chung và đối với thanh niên nông thôn nói riêng rất cần có những nghiên cứu sâu và rộng hơn, để có thể nhận diện đầy đủ hơn và cung cấp những luận cứ khoa học tốt hơn cho chiến lược phát triển thanh niên nông thôn trong giai đoạn tiếp theo.

4. Thay lời kết luận

Từ các kết quả phân tích trên có thể đưa ra một số nhận định chủ yếu sau:

Điểm trung bình mức độ hài lòng với việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong mẫu nghiên cứu cao hơn mức “bình thường” cho thấy phần nào nhu cầu việc làm của họ đã được đáp ứng. Tuy nhiên, tỷ lệ 42,2% “bình thường”, 5,8% “không hài lòng” và 0,5% “rất không hài lòng” với việc làm chính của người trả lời là những chỉ báo đáng quan tâm đối với các nhà nghiên cứu và quản lý xã hội trong quá trình xây dựng chiến lược việc làm cho thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ giai đoạn tiếp theo.

Có sự khác biệt đáng kể (có ý nghĩa thống kê) về mức độ hài lòng về việc làm chính của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong mẫu nghiên cứu khi phân chia theo các nhóm học vấn (các nhóm có trình độ học vấn “Học nghề và Trung cấp trở lên” và THPT có điểm trung bình mức độ hài lòng việc làm chính đều cao hơn mức trung bình chung và cao hơn đáng kể so với các nhóm còn lại), dân tộc (mức điểm trung bình của nhóm thanh niên dân tộc Kinh cao hơn mức điểm trung bình chung và cao hơn đáng kể so với nhóm

thanh niên dân tộc khác), việc làm chính (mức điểm trung bình trong nhóm công/viên chức là cao nhất và cao hơn đáng kể so với các nhóm khác; nhóm có điểm trung bình thấp nhất là nhóm làm mướn và thấp hơn đáng kể so với các nhóm khác. Và trong các nhóm có điểm trung bình thấp hơn mức điểm trung bình chung thì nhóm nông nghiệp vẫn có được điểm cao hơn nhóm công nhân), mức sống hộ gia đình (mức sống hộ gia đình tỷ lệ thuận với mức độ hài lòng về việc làm chính; nhóm mức sống hơn trung bình có điểm trung bình cao hơn mức điểm trung bình chung và cao hơn đáng kể so với các nhóm còn lại) và địa bàn cư trú (với những khác nhau về điều kiện phát triển kinh tế-xã hội tại các địa bàn cư trú thì khả năng “cung” và “cầu” về việc làm cũng khác nhau đã dẫn đến mức độ hài lòng về việc làm của họ cũng khác nhau). Như vậy, việc xây dựng các chính sách giải quyết việc trong giai đoạn tiếp theo cần có sự quan tâm hơn nữa đến nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ trong các nhóm dân tộc khác, nhóm công nhân và nhóm có mức sống hộ gia đình kém trung bình.

Tuy nhiên, kết quả phân tích không cho thấy sự khác biệt đáng kể về mức độ hài lòng về việc làm chính theo nhóm tuổi, giới tính, tôn giáo, tình trạng hôn nhân, quy mô hộ gia đình và số lao động trong hộ gia đình của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ.

Cần có những nghiên cứu với quy mô sâu và rộng hơn về nhu cầu việc làm của thanh niên nông thôn khu vực Tây Nam Bộ để xác định cụ thể hơn nữa thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến vấn đề này. Trên cơ sở đó, cung cấp những luận cứ khoa học cho chiến lược phát triển thanh niên nông thôn nói chung và thanh niên khu vực Tây Nam Bộ nói riêng.

Tài liệu tham khảo

- Dương Thị Thu Hương. 2012. Các yếu tố tác động đến mức độ hài lòng về đời sống tinh thần. *Tạp chí Xã hội học*, số 4.
- Đặng Nguyên Anh. 2018. *Phát triển nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ*. Đề tài cấp Nhà nước (Mã số: KHCN/14-19/X05) thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ, Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Nguyễn Công Mạnh. 2007. Tìm hiểu quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở huyện Tịnh Biên - An Giang trong thời kỳ Đổi mới (1986-2006). *Tạp chí Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh*, số 11+12.
- Nguyễn Đình Phúc. 2017. Ứng dụng mô hình Probit đo lường các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm phi nông nghiệp của lao động nông thôn trên địa bàn thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định. *Tạp chí Khoa học Yersin*, số 2.
- Nguyễn Hoàng Sơn. 2006. Giải pháp xóa đói giảm nghèo trong công đồng dân tộc Khmer Đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học xã hội vùng Nam Bộ*, số 3+4.
- Nguyễn Văn Tiệp. 2017. *Bất bình đẳng giới về giáo dục, việc làm, thu nhập và nghèo đói của người Việt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay*. Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Phạm Ngọc Tân. 2018. Sự lựa chọn việc làm của thanh niên nông thôn khu vực Tây Nam Bộ (vài nhận diện qua việc phân tích số liệu thứ cấp). *Tạp chí Nghiên cứu Con người*, số 6.
- Phạm Ngọc Tân. 2019. Thực trạng việc làm của thanh niên nông thôn vùng Tây Nam Bộ. *Tạp chí Thông tin Khoa học xã hội*, số 3.
- Tổng Cục Thống kê. 2017. *Niên giám thống kê 2016*.